

Số: 23 /NQ-ĐHĐCĐ

Tiền Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 11**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 11 (sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua ngày 16/05/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 11 ngày 21/04/2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

Như tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Ban Giám đốc, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

Kết quả kế hoạch tài chính năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu                      | ĐVT   | Kế hoạch   | Thực hiện  | Tỷ lệ % TH/KH |
|----|-------------------------------|-------|------------|------------|---------------|
| 1  | Vốn điều lệ                   | Ngh.đ | 21.000.000 | 16.348.000 | 77,85         |
| 2  | Tổng doanh thu & thu nhập     | Ngh.đ | 31.860.000 | 46.182.434 | 144,95        |
| 3  | Tổng Chi phí                  | Ngh.đ | 28.960.000 | 41.218.365 | 142,33        |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế 2023     | Ngh.đ | 2.900.000  | 4.964.069  | 171,17        |
| 5  | Lợi nhuận sau thuế 2023       | Ngh.đ | 2.320.000  | 3.836.308  | 165,36        |
| 6  | Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ | %     | 11%        | 23,47%     |               |
| 7  | Phân chia lợi nhuận sau thuế  |       |            |            |               |

| TT | Chỉ tiêu                              | ĐVT   | Kế hoạch  | Thực hiện | Tỷ lệ % TH/KH |
|----|---------------------------------------|-------|-----------|-----------|---------------|
| -  | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%) | Ngh.đ | 232.000   | 383.631   | 165,36        |
| -  | Quỹ đầu tư phát triển (20%)           | Ngh.đ | 464.000   | 766.701   | 165,24        |
| -  | Chia cổ tức (70%)                     | Ngh.đ | 1.624.000 | 2.685.976 | 165,39        |
| 8  | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ         | %     | 8%        | 16,43%    |               |
| 9  | Thu nhập bình quân người/tháng        | Ngh.đ | 8.700     | 8.900     | 102,29        |

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Như tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán năm 2023 và lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2024.

Như tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình Phê duyệt thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và dự kiến mức chi trả thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

1. Thù lao đã chi trả trong năm 2023:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023 là 05 thành viên.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát năm 2023 là 03 thành viên
- Tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT, BKS là: 119.200.000 đồng. Chi phí trả thù lao cho các thành viên được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Mức thù lao dự kiến chi trả trong năm 2024:

Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT và BKS trong năm tài chính 2024 như sau:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT là: 3.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho các thành viên HĐQT là: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Trưởng Ban kiểm soát là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho các thành viên BKS là: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT là: 1.000.000 đồng/người/tháng.

*Trong đó:* Thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Nếu Chủ tịch HĐQT là chuyên trách thì không chi trả thù lao.

201492  
CÔNG  
CỔ PH  
AN LÝ E  
NG THỤ  
SỐ 1  
THO - T

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2024, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

| Stt | Chỉ tiêu                                 | Đơn vị tính | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 |
|-----|--|-------------|---------------|----------------|
|     | Lợi nhuận được phân phối                 | Ngh.đ       | 2.320.000     | 3.836.308      |
| 1   | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% LNST | Ngh.đ       | 232.000       | 383.631        |
| 2   | Trích đầu tư phát triển 20% LNST         | Ngh.đ       | 464.000       | 766.701        |
| 3   | Chia cổ tức 70% LNST                     | Ngh.đ       | 1.624.000     | 2.685.976      |

Tỷ lệ chia cổ tức/ vốn cổ phần là 16,43% tương đương tỷ lệ thanh toán là 16,43%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.643 đồng).

Thời gian chi trả cổ tức: trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc đại hội đồng cổ đông.

2. Kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2024:

| Stt | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 |
|-----|--|-------------|---------------|
| 1   | Vốn điều lệ                                | Ngh.đ       | 16.348.000    |
| 2   | Tổng doanh thu                             | Ngh.đ       | 32.000.000    |
| 3   | Tổng chi phí                               | Ngh.đ       | 28.160.000    |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế TNDN                  | Ngh.đ       | 3.840.000     |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 80% LN)          | Ngh.đ       | 2.688.000     |
| 6   | Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ              | %           | 16,44         |
| 7   | Lợi nhuận được phân phối                   | Ngh.đ       | 2.688.000     |
| -   | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST) | Ngh.đ       | 268.800       |
| -   | Trích quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)     | Ngh.đ       | 537.600       |
| -   | Chia cổ tức (70% LNST)                     | Ngh.đ       | 1.881.600     |
| 8   | Tỷ lệ chia cổ tức/ vốn cổ phần             | %           | 11,50         |
| 9   | Thu nhập bình quân/người/tháng             | Ngh.đ       | 10.500        |

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ công ty.

Như tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %, cụ thể:

579 - C  
 TY  
 AN  
 AOTF  
 HỘI Đ  
 1  
 TIEN

| STT | Nội dung Điều lệ năm 2023  | Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2023   |
|-----|--|--|
| 1   | <p><b>Điều 23.</b> Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là <u>05 người</u>.</p> | <p><b>Điều 23.</b> Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là <u>03 người</u>.</p> |

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2023-2028 đối với Ông Đặng Tấn Đạt, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

**Điều 9.** Thông qua Tờ trình miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm soát, nhiệm kỳ 2023-2028 đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Lan, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

**Điều 10.** Thông qua Tờ trình bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với Ông Tô Văn Luận cho thời gian còn lại, với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 %.

**Điều 11.** Giao Hội đồng quản trị tiếp thu các ý kiến của Đại hội, căn cứ vào kết quả biểu quyết đã được công bố để hoàn chỉnh các báo cáo đã được trình bày tại Đại hội và xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để triển khai Nghị quyết Đại hội đúng với các quy định hiện hành.

**Điều 12.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và công bố thông tin theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 12;
- Lưu VT.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Mạnh Trường**